

LIÊN KẾT KINH TẾ ĐÔNG BẮC Á - LIỆU CÓ MỘT FTA TRUNG QUỐC - NHẬT BẢN - HÀN QUỐC?

NGÔ XUÂN BÌNH*

Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc tạo thành một phần quan trọng của nền kinh tế thế giới, chi phối Đông Á cũng như Đông Bắc Á. Về quy mô kinh tế, ba nước chiếm tới 18,6% (19,1% bao gồm cả Hồng Kông) GDP toàn cầu. Về kim ngạch mậu dịch, phần giá trị của ba nước trong mậu dịch toàn cầu là 12%, (15,2% bao gồm cả Hồng Kông). Trong số nhóm nước ASEAN + 3, phần cộng ba trong GDP và dung lượng mậu dịch tương ứng là 91,2% và 67,2%⁽¹⁾. Ở Đông Bắc Á, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc có vị trí quyết định nhờ quy mô kinh tế và giá trị mậu dịch của các nước này. Trong khi đó phần còn lại của khu vực bao gồm Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên (CHDCND Triều Tiên), Mông Cổ, Đài Loan và Viễn Đông Nga là khá hạn chế.

Do đó, nếu ba nước cùng làm việc, họ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc định hình phương hướng hợp tác kinh tế tương lai ở cả Đông Bắc Á nói riêng và Đông Á nói chung. Đây cũng chính là tiền đề cho một FTA Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (FTACJK) trong tương lai.

Bài viết này bước đầu tìm hiểu liên kết kinh tế Đông Bắc Á ở khía cạnh nhận diện những lợi ích, những thách thức và thời cơ của việc hình thành một FTA (Hiệp định mậu dịch tự do) ba bên Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Dẫu biết rằng con đường

phía trước còn dài song xét cả trên phương diện địa - kinh tế và địa - văn hóa, người ta vẫn lạc quan về một FTA như vậy trong tương lai.

*
* * *

1. Gia tăng hợp tác kinh tế - một tiền đề quan trọng

Kể từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc, người ta bắt đầu thảo luận về hợp tác kinh tế Đông Bắc Á trong giới học giả, và trên thực tế, hợp tác kinh tế trong khu vực này đã gia tăng một bước quan trọng.

Tuy nhiên, với đặc thù của Đông Bắc Á, hợp tác kinh tế ở đây không diễn ra theo hình thức thể chế tương tự EU và NAFTA mà đó là hợp tác chức năng hay còn gọi là hợp tác kinh tế phi thể chế.

Hợp tác kinh tế tiểu vùng Đông Bắc Á được coi là kiểu hợp tác kinh tế khả dĩ nhất ở khu vực này. Chẳng hạn, Chương trình hợp tác kinh tế vành đai Biển Đông, vành đai Biển Vàng, Chương trình phát triển khu vực Sông Tumen được tiến hành dưới sự bảo trợ của UNDP.

Người ta nhận thấy ở giai đoạn đầu, tình trạng thiếu cơ sở hạ tầng ở Viễn Đông của Nga, các tỉnh phía bắc của Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên và Mông Cổ được coi là trở ngại chính đối với việc thúc đẩy hợp tác kinh tế Đông Bắc Á. Do đó, hợp tác năng lượng, hợp tác môi trường và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải cần được ưu tiên.

Thực tế chỉ ra rằng, mậu dịch tăng trưởng mạnh trong các nước Đông Bắc Á mà không có sự ủng hộ mang tính tổ chức

*Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á.

⁽¹⁾ Số liệu năm 2001, Japan Almanac 2003

ở cấp khu vực. Thống kê cho thấy, phần mậu dịch giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc gia tăng từ 13% năm 1990 lên 22% năm 2001; trong khi đó FDI giữa ba nước chỉ tăng từ 2,4% năm 1990 lên 8,9% năm 2001.

Phải chăng hai cú hích đã tạo ra một cách tiếp cận mới cho hợp tác kinh tế Đông Bắc Á: Đó là liên kết khu vực và khủng hoảng tài chính Châu Á 1997. Như đã biết, liên kết khu vực bắt đầu ở Châu Âu trong những năm 1950 và trở thành hiện tượng toàn cầu trong thập kỷ 1990. Nhiều nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi đã trở thành thành viên của các tổ chức Liên kết khu vực trong thập niên 1990. Hầu hết các nước công nghiệp và đang phát triển trên thế giới là thành viên của một hiệp định mậu dịch khu vực và không ít nước là thành viên của nhiều hiệp định khác nhau.

Khủng hoảng tài chính Châu Á đã thúc giục các nước Đông Á xem xét nghiêm túc chủ nghĩa khu vực kinh tế. Và cuộc khủng hoảng này đòi hỏi các nước trong khu vực phải gia tăng hợp tác tài chính. Với tiến trình bắt đầu bằng ASEAN + 3 (Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc), không chỉ vấn đề hợp tác tài chính mà hợp tác kinh tế gồm hội nhập kinh tế chính thức đã được thảo luận giữa các nước Đông Á (ASEAN + 3). Một kiểu hợp tác kinh tế mới mà trước hết là hợp tác tài chính phát sinh từ khủng hoảng tài chính Châu Á; và các chính phủ trung ương của khu vực bắt đầu xây dựng khuôn khổ thể chế để tăng cường hội nhập kinh tế khu vực. Xu hướng hợp tác mới này đang diễn ra giữa các nước ASEAN + 3.

Hội nghị thượng đỉnh ASEAN + 3 đầu tiên được tổ chức ở Kuala Lumpur vào tháng 12/1997, và hội nghị thượng đỉnh trở thành một sự kiện hàng năm. Để hỗ trợ

Hội nghị Thượng đỉnh, các cuộc họp bộ trưởng ASEAN + 3 và cuộc gặp quan chức cấp cao đã diễn ra thường xuyên kể từ năm 2000.

Cũng trong khuôn khổ ASEAN + 3, kênh đối thoại giữa Trung Quốc, Nhật Bản, và Hàn Quốc đã phát triển. Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 ở Manila tháng 11/1999, các nhà lãnh đạo ba nước có cuộc gặp lịch sử lần đầu tiên của họ. Kể từ đó, hội nghị thượng đỉnh ba chiều này trở thành một sự kiện hàng năm. Theo sau những thoả thuận của các nhà lãnh đạo ở Brunêi, Hội nghị Bộ trưởng kinh tế, cuộc gặp Bộ trưởng tài chính và Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao diễn ra thường niên kể từ năm 2002.

Cho dù ba nước chủ yếu ở Đông Bắc Á chưa sẵn sàng xem xét hội nhập kinh tế khu vực một cách chính thức, nhưng cả Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều quan tâm đến ý tưởng hình thành FTA Đông Bắc Á. Nhật Bản đã kí Hiệp định Đối tác kinh tế với Xingapo vào tháng 1 năm 2002. Do vậy, Nhật Bản trở thành nước Đông Bắc Á đầu tiên kết luận một FTA. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã thoả thuận một FTA với Chile vào tháng 10/2002. Và gần đây Nhật Bản và Hàn Quốc đã thoả thuận với ASEAN về lộ trình của một FTA với khối này. Trung Quốc đã ký một Hiệp định về Hợp tác kinh tế toàn diện với ASEAN ở Phnômpenh vào tháng 11/2002, báo trước hình thành một FTA Trung Quốc ASEAN trong 10 năm và thậm chí có thể thúc đẩy tiến trình này nhanh hơn. Như vậy, trong tương lai gần, ở Đông Á sẽ hình thành 3 FTA (ASEAN + 1 + 1 và + 1).

2. Nhận diện những lợi ích và trở ngại

Những người ủng hộ chủ nghĩa khu vực lý luận rằng xoá bỏ các rào cản mậu dịch là tốt cho mậu dịch tự do bất luận đạt được

nó như thế nào. Họ tin tưởng tự do hoá mậu dịch thông qua hiệp định mậu dịch khu vực dễ hơn tự do hoá đơn phương. Hiểu theo một nghĩa nào đó, hiệp định mậu dịch khu vực là bước đệm quan trọng để tiến tới một hiệp định mậu dịch tự do đa phương. Bởi vậy, cần phải cố gắng lớn hơn để xúc tiến tự do hoá mậu dịch đa phương thông qua việc xúc tiến các hiệp định mậu dịch tự do khu vực.

Người ta tiếp tục thảo luận về tự do hoá mậu dịch khu vực và điều này đã trở thành hiện tượng toàn cầu và nó có lợi cho các nước tham gia hiệp định mậu dịch tự do khu vực bởi qua đó các nước có thể phân phối và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả nhất.

Nói một cách cụ thể hơn, có những lợi ích kinh tế và những lợi ích phi kinh tế mà các nước có thể có được nhờ tham gia các thoả thuận mậu dịch này. Chẳng hạn, thông qua nhượng bộ lẫn nhau về rào cản mậu dịch, những nước tham gia sẽ hưởng một thị trường lớn nhờ đó họ có thể gạt hái và phát huy những lợi thế kinh tế nhờ quy mô. Và một thị trường thống nhất tạo ra môi trường cạnh tranh hơn cho các hãng, do đó nâng cao hiệu quả kinh tế.

Có những lợi ích khác mang tính chính trị nhiều hơn kinh tế. Các nước tham gia hiệp định mậu dịch tự do khu vực có thể hưởng lợi từ việc nhận được trợ giúp trong chính sách cải cách trong nước. Nhờ việc tham gia này có thể gia tăng sức mạnh đàm phán của các thành viên trên vũ đài quốc tế, bao gồm những cuộc thương lượng mậu dịch đa phương, và cơ chế hợp tác khu vực lớn hơn. Ngoài ra, không thể đánh giá thấp tầm quan trọng của những động cơ mang tính chiến lược trong hội nhập kinh tế khu vực. Ví dụ, động cơ chính của hội nhập Châu Âu là ngăn ngừa một cuộc chiến tranh Châu Âu mới - Hợp tác kinh tế là phương tiện để đạt được mục

tiêu này. Và không ai có thể nghi ngờ rằng, một FTA Đông Bắc Á sẽ mang lại những cơ hội tốt cho hòa bình và an ninh ở khu vực.

Như đã biết, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm tới cho 1/5 tổng GDP thế giới, FTACJK sẽ tạo ra một trong những thị trường lớn nhất trên thế giới. Đặc biệt, do ba nước này vẫn được coi là những thị trường khá bảo hộ, cho nên FTACJK đồng nghĩa với tự do hoá mậu dịch, góp phần thúc đẩy tự do hoá mậu dịch trong APEC cũng như tự do hoá toàn cầu. Do đó, một FTACJK sẽ có lợi cho không chỉ ba nước, mà còn cho các nước APEC khác và phần còn lại của thế giới.

Ngoài ra, FTACJK sẽ tạo điều kiện cho các thành viên theo đuổi cải cách cơ cấu trong nền kinh tế nội địa của mỗi quốc gia và gia tăng ảnh hưởng của họ trong các diễn đàn quốc tế như WTO, APEC, ASEM và ASEAN + 3. Hơn nữa, trong bối cảnh căng thẳng quân sự hiện tại và vấn đề lịch sử nổi cộm ở Đông Bắc Á, nếu ba nước này có quan hệ kinh tế gắn gũi hơn bằng cách tạo lập một FTA sẽ góp phần giảm căng thẳng và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa họ với khu vực Đông Bắc Á và Đông Á nói chung.

Để đạt tới những lợi ích đó các nước này phải vượt qua nhiều trở ngại. Và một số nhà nghiên cứu ở Nhật Bản và Hàn Quốc cho rằng, trở ngại đối với FTACJK có thể được chia thành ba nhóm: kinh tế, chính trị, và lịch sử văn hóa. Với nhóm kinh tế, người ta thường nói đến nhiều nhất là trình độ phát triển kinh tế không tương đồng ở ba nước. Ví dụ, Trung Quốc lo ngại những ngành công nghệ cao đang tăng trưởng mạnh của họ sẽ lâm nguy bởi những ngành này khó đứng vững trước tình hình cạnh tranh gia tăng khi FTACJK hình thành. Còn Nhật Bản và Hàn Quốc lo

sợ rằng các sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm giá thấp của Trung Quốc sẽ "huỷ hoại" lĩnh vực nông nghiệp kém hiệu quả của hai nước này, gây ra những vấn đề chính trị và xã hội nghiêm trọng. Đường như những khác biệt đến từ các hệ thống kinh tế khác nhau ít quan trọng hơn với sự chuyển đổi nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc. Thêm vào đó, một điều không được đề cập thường xuyên nhưng quan trọng đó là thiếu các chính sách tự do hoá mậu dịch mạnh mẽ ở tất cả ba nước này. Hậu quả của vấn đề này là gì đã được người ta bàn đến và không ít học giả cho rằng, một thay đổi đáng kể trong thái độ của một nước có thể lan sang các nước khác.

Cũng có những nhân tố mang tính chất chính trị cản trở việc hình thành FTACJK. Đây là một thực tế ở Đông Bắc Á. Có người cho rằng, hệ thống chính trị khác biệt của Trung Quốc sẽ là một trở ngại, nhưng cản trở quan trọng nhất là sự không tương xứng giữa các đối tác kinh tế và liên minh an ninh. Cả Nhật Bản và Hàn Quốc có liên minh quân sự với Mỹ, trong khi đó Trung Quốc thì không, cho dù gần đây họ có quan hệ chặt chẽ với Mỹ. Điều lưu ý là sự thù địch giữa Nhật Bản và Trung Quốc trong lịch sử được coi là trở ngại khó vượt qua. Thực tế cho thấy, các cuộc thảo luận FTA song phương ở Đông Á thời gian qua đã phản ánh sự thù địch này. Đường như các cuộc thương lượng FTA ở Đông Á có thể được giải thích tốt hơn về phương diện lôgích kinh tế. Trong khi quyền lãnh đạo chính trị được coi là nhân tố quyết định nhất của hội nhập ở Châu Âu, thì điều này được coi là lý do giải thích sự tụt hậu của chủ nghĩa khu vực ở Đông Bắc Á và là một trong những trở ngại cho FTACJK. Ngoài ra, cơ cấu chính trị trong nước hiện nay của Nhật Bản và Hàn Quốc dường

như rất nhạy cảm với vấn đề nông nghiệp và nông dân. Khu vực nông nghiệp có ảnh hưởng lớn tới chính sách liên kết khu vực của chính phủ nếu những người nông dân nhận thấy chính sách liên kết này làm tổn hại đến lợi ích của họ và đây là yếu tố cản trở không dễ coi thường.

Về phương diện lịch sử và văn hoá, các nước Đông Bắc Á gặp phải các vấn đề quá khứ kéo dài, đây là một trở ngại lớn cho việc xây dựng tinh thần cộng đồng trong khu vực. Tất nhiên, mức độ thấp của tinh thần cộng đồng Đông Bắc Á còn là kết quả của những hạn chế trong tiếp xúc cá nhân và trao đổi văn hoá giữa ba nước.

3. Và nhận diện những cơ hội hướng tới một FTACJK

Trong bối cảnh gia tăng toàn cầu hóa và liên kết khu vực, triển vọng dài hạn cho các nước Đông Á sẽ là "khu vực Mậu dịch tự do Đông Á". Mặc dù hội nhập kinh tế toàn lục địa ở Châu Âu và Châu Mỹ đã được xúc tiến mạnh song Đông Á vẫn là khu vực duy nhất không có tiến trình hội nhập kinh tế chính thức. Cho dù như vậy, nhưng người ta vẫn thấy có nhiều cơ hội cho một FTA Đông Á xuất hiện là điều được ghi nhận.

Nhiều nhà học giả và quan chức ở khu vực này cho rằng, con đường ngắn nhất dẫn đến một FTA Đông Á là tăng cường tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á thông qua khuôn khổ ASEAN + 3. Như đã đề cập ở trên, tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN + 3 ở Brunêi, tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung đề xuất hình thành khu vực Mậu dịch tự do Đông Á dựa trên EAVG (Nhóm Tâm nhìn Đông Á). Để đạt tới mục tiêu đó ASEAN + 3 trước hết phải phát triển thành Hội nghị thượng đỉnh Đông Á. Và điều này đã được thực thi tại

Malayxia cuối năm 2005 và đây là bước khởi đầu quan trọng.

Một số học giả Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản quan tâm tới con đường khả thi khác để hình thành FTA Đông Á là thông qua hàng loạt FTA song phương. Sự nổi lên của FTA Đông Bắc Á - Đông Nam Á như FTA Nhật - Xingapo, FTA Trung Quốc - ASEAN, FTA Nhật Bản - ASEAN, FTA Hàn Quốc - ASEAN và FTA Nhật - Hàn, có thể tạo ra môi trường dẫn đến hình thành FTA Đông Á.

So với FTACJK, FTA Đông Á sẽ có một số lợi thế. Thứ nhất, tiến trình ASEAN + 3 đã bắt đầu, mặc dù nó vẫn thiếu một khuôn khổ thể chế chính thức. Thứ hai, có nhiều cố gắng không ngừng cho FTA song phương giữa các nước Đông Á. Thứ ba, Trung Quốc và Nhật Bản có thể ủng hộ FTA Đông Á hơn FTACJK. Và thứ tư, Mỹ dường như ít chống đối hơn đối với tiến trình ASEAN + 3 so với hướng đến EAEG hay EAEC.

Tuy nhiên, con đường dẫn đến FTA Đông Á có thể khá gập gềnh mà lí do của nó có thể như sau. Thứ nhất, hơn là trở thành một hiệp định theo Điều XXIV, GATT, FTA là một RTA lỏng lẻo. Thứ hai, những nước tham gia sau vào ASEAN (Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanma) chưa hội nhập đầy đủ vào FTA. Thứ ba, sau khủng hoảng tài chính Châu Á, một vài nước Đông Nam Á đã gặp khó khăn kinh tế, Indônêxia và cả Philippin vẫn bất ổn chính trị. Và thứ tư, sự đa dạng của hệ thống chính trị và trình độ phát triển kinh tế của các nước Đông Á có thể cản trở FTA Đông Á.

Cho dù FTA Đông Á cuối cùng có thể được xây dựng nhưng FTACJK có thể đến trước nó. Do số nước tham gia hạn chế, tiến trình hình thành FTACJK sẽ đơn giản

hơn FTA Đông Á. Hơn nữa, một FTA Đông Á trong đó ít nhất một trong ba nước Đông Bắc Á lớn không tham gia thì tính khả thi có vấn đề. Trong khi đó, nếu một FTACJK hình thành trước lại là điều kiện cần thiết cho FTA Đông Á xuất hiện. Do đó, FTACJK cực kỳ quan trọng cho hội nhập kinh tế khu vực chính thức của cả Đông Bắc Á và Đông Á.

Theo dự báo của một số chuyên gia Nhật Bản và Hàn Quốc, FTACJK có thể đạt được bằng hai cách. Trước hết, FTACJK có thể hình thành thông qua thương lượng ba chiều giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Đó là tiến trình lý tưởng, nhưng với những trở ngại đã đề cập trước đó, và thái độ ít nhiều tiêu cực của Nhật Bản với FTACJK, dường như tiến trình này sẽ khó có thể xảy ra trong tương lai gần.

Và sau đó, FTACJK có thể đạt được thông qua một hoặc hai FTA song phương. Về phương diện này, FTA Nhật - Hàn sẽ là ứng viên đầu tiên. Mặc dù không có thương lượng chính thức, nhưng những cuộc thảo luận tích cực đang tiến triển ở nhiều cấp độ. Điều này đã được phân tích và đánh giá ở phần trên với tầm quan trọng của Nhật Bản và Hàn Quốc về quy mô kinh tế, FTA Nhật - Hàn có thể tạo ra môi trường trực tiếp dẫn đến hình thành FTACJK.

Tuy nhiên, FTA Nhật - Hàn có thể làm trì hoãn hình thành FTACJK bởi người ta hiểu rằng, việc làm đó là nhằm cô lập Trung Quốc. Điều này có thể được hóa giải nếu Hàn Quốc xây dựng FTA với Trung Quốc. Một trong những trở ngại lớn nhất đối với sự hình thành FTA là trình độ phát triển kinh tế không đồng đều, bởi vậy FTA Trung - Hàn xem ra sẽ dễ hình thành hơn FTA Trung - Nhật. Trên thực tế, trong khi ý tưởng FTACJK được nhận thức

tương đối tốt ở Hàn Quốc, nhiều người Nhật dường như xa lánh ý tưởng đó vì họ coi nó phi thực tế, ít nhất trong tương lai gần.

Tuy nhiên, giao lưu kinh tế ba nước vẫn còn hạn chế. Do vậy, bên cạnh nỗ lực hình thành FTACJK nhiều nhà học giả cho rằng ba nước này phải cố gắng xúc tiến hội nhập kinh tế chức năng, coi đây là bước khởi đầu quan trọng và thực thi bằng cách xây dựng khuôn khổ thể chế và theo đuổi những dự án chung. Đồng thời, ưu tiên xây dựng tinh thần cộng đồng thông qua gia tăng tiếp xúc cá nhân và các hình thức trao đổi khác. Cách làm này sẽ tạo ra cơ hội để người dân chia sẻ thông tin, cảm thông và hiểu biết nhau hơn. Và do đó cũng là giải pháp tốt nhằm giảm thiểu tinh thần dân tộc chủ nghĩa cực đoan ở cả ba nước này.

Trong hơn 10 năm qua, mậu dịch và đầu tư giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, cả phần mậu dịch trong khu vực và phần FDI trong khu vực tiếp tục tụt hậu so với những khu vực chủ yếu khác của thế giới. Để gia tăng hội nhập kinh tế chức năng, chính phủ ba nước này cần cố gắng hơn nữa trong việc gia tăng mậu dịch và FDI trong khu vực bằng cách cùng chấp nhận các biện pháp xúc tiến FDI và mậu dịch tương đồng.

Về đại thể cả ba chính phủ, trong chính sách điều tiết kinh tế, cần tập trung vào các hướng sau: Thứ nhất, để cung cấp cho các doanh nghiệp các dịch vụ thông tin hiệu quả hơn, ba nước cần xây dựng mạng lưới trao đổi thông tin mậu dịch và đầu tư. Thứ hai, đơn giản hoá các thủ tục hải quan, kiểm hoá và làm hài hoà những tiêu chuẩn hải quan của ba nước. Ba nước này phải xây dựng một chương trình đào tạo chung cho những người tham gia hoạt động trong lĩnh vực này. Thứ ba, để giảm

thiếu những rào cản mậu dịch không cần thiết giữa ba nước, họ phải thiết lập một hệ thống cảnh báo sớm ở mỗi quốc gia đối với những tranh chấp mậu dịch có thể xảy ra và cơ chế tư vấn giữa họ. Thứ tư, để cải thiện môi trường đầu tư, các nước cần đơn giản hoá hơn nữa thủ tục thẩm định và chấp nhận FDI, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của nhà đầu tư và nâng cao hiệu quả cơ chế xử lý những đề xuất từ nhà đầu tư. Và thứ năm, để tạo điều kiện luân chuyển nhân sự kinh doanh, cần áp dụng thủ tục nhập cảnh đơn giản.

Ngoài ra, ba nước Đông Bắc Á phải bắt đầu với một số dự án chung cụ thể để xoá bỏ trở ngại và xúc tiến hợp tác kinh tế Đông Bắc Á trong những lĩnh vực như dịch vụ, năng lượng, môi trường, du lịch và trao đổi văn hoá.

Điều lưu ý là một hệ thống dịch vụ hiệu quả hơn sẽ làm gia tăng sức cạnh tranh của mỗi nước và của cả nền kinh tế khu vực. Bởi vậy, cần thiết phải có chính sách phát triển dịch vụ chung cho khu vực Đông Bắc Á. Đặc biệt, cần tiêu chuẩn hoá nhiều thủ tục để thiết lập một hệ thống dịch vụ khu vực mang tính thống nhất cao đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cả Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Với tầm quan trọng của vấn đề năng lượng trong chiến lược phát triển kinh tế và để có thể đối phó có hiệu quả với nguy cơ một cuộc khủng hoảng năng lượng trong tương lai do giá dầu ngày càng leo thang, ba nước này cần xây dựng một dự án phát triển năng lượng chung; ba nước cần tổ chức thăm dò khả năng khai thác và phối hợp chính sách năng lượng của họ trong các dự án phát triển chung; chẳng hạn dự án phát triển khí ga Irkutsk.

Hợp tác trong lĩnh vực môi trường khu vực cũng cần được đẩy mạnh nhất là ở phương diện xây dựng các khung quy định

chung về môi trường và theo đuổi các dự án cụ thể. Ví dụ, Hàn Quốc và Nhật Bản có thể tích cực tham gia vào nỗ lực của Trung Quốc trồng cây để kiểm soát “hiện tượng bụi vàng”.

Ở một khía cạnh nhất định, du lịch và trao đổi văn hoá trở nên đặc biệt quan trọng đối với việc tăng cường hiểu biết lẫn nhau và xây dựng tinh thần cộng đồng khu vực giữa các quốc gia này. Bởi vậy, ba nước cần phải nỗ lực nhiều hơn vào hợp tác trong những lĩnh vực này. Liên quan đến trao đổi văn hoá, ngoài các hình thức đa dạng về trao đổi nghệ thuật truyền thống, các chính phủ cần hỗ trợ trao đổi văn hoá, bao gồm điện ảnh, chương trình tivi; Đặc biệt, các chương trình trao đổi văn hoá cần tăng cường hướng vào giới trẻ.

*
* *

Từ những phân tích trên có thể kết luận rằng, nếu một FTACJK được xây dựng trong tương lai gần sẽ tạo ra cơ hội thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực trong dài hạn. Bởi khối này sẽ tạo ra một thị trường lớn hơn nhiều để thu hút các sản phẩm khu vực. Đồng thời góp phần thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu kinh tế ở mỗi quốc gia theo hướng đẩy mạnh tiến trình tự do hoá mậu dịch mà còn góp phần thúc đẩy tự do hoá mậu dịch trên quy mô toàn cầu.

Điều cần nhấn mạnh là việc hình thành FTACJK có những thách thức lớn, nhất là trên phương diện chính trị và lịch sử. Nhưng cũng có nhiều nhân tố có thể khiến nó mang tính khả thi, đặc biệt là cải cách kinh tế liên tục ở ba nước Đông Bắc Á và Trung Quốc gia nhập WTO, tự do hoá mậu dịch toàn cầu về các sản phẩm nông nghiệp và dệt may, và thời gian biểu cho tự do hoá mậu dịch trong APEC đã được các thành viên chấp thuận. Bởi vậy có thể nói thời cơ cho việc hình thành một

FTACJK lớn hơn những thách thức mà nó phải đối mặt và nhiều học giả ở Đông Bắc Á dự đoán, nếu bây giờ tất cả ba nước khởi động kế hoạch này thì trong 15 năm tới khả năng xuất hiện một FTACJK là điều có thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chia Siow Yue, *Regional Economic Integration in East Asia: Developments, Issues and Challenges*. In K. Hamada, M. Matsishita and C. Komura (eds), *Dreams and Dilemmas...*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 2002.
2. Munakata, Naoko, *Where East Asian Economic Integration*, RIETI Paper, June, 2002.
3. Yamazawa, Ippei, *A Case for The Japan - Korea FTA*, *The Developing Economies*, Vol.39, No 1 March.
4. Scollay, Robert and John P. Gibert, *New Regional Trading Arrangements in the Pacific*, Institute for International Economics, 2001.
5. World Trade Organization, 2002.
6. World Bank, *World Development Report*, 2003.
7. World Economic Forum, *World Competitiveness Report*, (2001 - 2002).
8. Appleyand, Denis and Alfred Field, *"International Economies: Trade Theory and Policy"*.
9. Asian Development Bank, *Asian Development Outlook*, (2002, 2003).
